

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 945/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/9/2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:**

Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1976 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Đường số D, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Song L, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số D, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn ông Lê Văn T thì:

Ông và bà Huỳnh Thị Song L kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82 Quyển số I/1999 ngày 08/11/1999.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T, bà L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Từ năm 2013 bà L đưa hai con đi khỏi nhà cho đến nay.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị Song L có 02 con chung là Lê Tấn M (nam), sinh ngày 27/3/2000 và Lê Tấn V (nam), sinh ngày 27/4/2008 hiện đang sống chung với bà L. Con chung Lê Tấn M (nam), sinh ngày 27/3/2000 đã trưởng thành. Ông T yêu cầu tiếp tục để bà L chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Tấn V (nam), sinh ngày 27/4/2008, Ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên Ông T yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong các buổi xét xử giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Song L trình bày:

Bà và ông Lê Văn T quen nhau khoảng 6 năm thì tiến tới hôn nhân được Ủy ban nhân dân phường T, quận T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 Quyển I/1999.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tài chính. Do ông T đuổi bà và các con nên cuối năm 2012 bà đưa hai con ra ngoài sống tại Ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Ông T không thăm nom, chăm sóc các con. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý.

Về con chung: Ông T, bà L có 02 con chung là Lê Tấn M (nam), sinh ngày 27/3/2000 đã trưởng thành và Lê Tấn V (nam), sinh ngày 27/4/2008 hiện đang ở với bà, từ khi con 3 tuổi đến nay ông T không thăm nom, chăm sóc nên bà không đồng ý giao con cho ông T. Nếu phải ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Cha mẹ ông T cho ông T phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup>, hiện nay ông T đã bán hết 100 m<sup>2</sup>. Căn nhà trên đất do hai vợ chồng xây dựng,

gia đình bà cho bà 200.000.000đồng để xây dựng căn nhà. Bà không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Ông T có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Bà Huỳnh Thị Song L đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn Ông T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà không đến tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn T đối với bà Huỳnh Thị Song L, giao con chung Lê Tấn Vương (nam), sinh ngày 27/4/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, Ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Con chung Lê Tấn Minh (nam), sinh ngày 27/3/2000 đã trưởng thành. Tài sản chung Ông T khai không có, bà L khai có căn nhà nhưng bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung Ông T và bà L khai không có nên không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Án phí Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Song L cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của Ông T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Ông T.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Song L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa, tuy nhiên bà L vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị Song L kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, quận T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển I/1999 ngày 08 tháng 11 năm 1999 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của Ông T, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của Ông T và bà L cùng xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà L đã đưa 02 con chung ra ngoài sống từ năm 2013 cho đến nay.

Như vậy, Ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà L không đồng ý ly hôn với Ông T, tuy nhiên bà đã dọn ra ngoài sống cùng hai con chung từ năm 2013 đến nay, Ông T nhiều lần liên lạc nhưng không được. Tại Tòa án, bà L cung cấp địa chỉ cư trú hiện nay của bà tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, tuy nhiên kết quả xác minh của Công an xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh thì trên địa bàn xã P không có địa chỉ như bà L cung cấp. Thiết nghĩ, để xây dựng gia đình hạnh phúc vợ chồng phải sống chung, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc con chung. Tuy bà L không đồng ý ly hôn nhưng bà không trình bày lý do và sau buổi làm việc tại Tòa án thì bà L không liên lạc với Ông T cũng như không đến Tòa án để tham gia các buổi hòa giải, xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, bà L không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với Ông T.

Do vợ chồng sống xa cách đã lâu, cả hai cùng không thực sự muốn đoàn tụ, không có khả năng hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông T có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 107 quyển 01/2000 ngày 05 tháng 4 năm 2000 và Giấy khai sinh số 233 Quyển 01/2008 ngày 12 tháng 5 năm 2008 cùng do Ủy ban nhân dân phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên có cơ sở xác định Lê Tấn M và Lê Tấn V là con chung của Ông T, bà L. Con chung Lê Tấn M (nam), sinh ngày 27/3/2000 đã trưởng thành. Hiện nay con chung Lê Tấn V (nam), sinh ngày 27/4/2008 đang sống chung với bà L, Ông T và bà L thống nhất để bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Tấn V, Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Để ổn định cuộc sống cho trẻ nên ghi nhận sự thống nhất của Ông T và bà L, giao con chung Lê Tấn V cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông T khai không có, bà L khai cha mẹ Ông T cho Ông T phần đất có diện tích 200 m<sup>2</sup> nhưng đã chuyển nhượng 100 m<sup>2</sup> cho người khác, còn 100 m<sup>2</sup> ông bà đã cùng nhau xây dựng nhà trên đất. Tuy nhiên, bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này bà L có yêu cầu thì bà có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản sau ly hôn bằng một vụ án khác.

Nợ chung: Các đương sự khai không có

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, ngoài ra Ông T còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Luật Phí, lệ phí năm 2016;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T, sinh năm 1976 ly hôn với bà Huỳnh Thị Song L, sinh năm 1980

Về con chung: Con chung Lê Tấn Minh (nam), sinh ngày 27/3/2000 đã trưởng thành. Giao con chung Lê Tấn V (nam), sinh ngày 27/4/2008 cho bà Huỳnh Thị Song L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Huỳnh Thị Song L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng ông Lê Văn T phải nộp nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí Ông T đã nộp theo biên lai thu số 0013258 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp 300.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thanh**